

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HS-ST  
Ngày 28-9-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phan Văn Hoàng;

Ông Mai Trần Phúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2021/TLST-HS Ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS Ngày 09 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Huỳnh Út T (tên gọi khác: U), sinh năm 1989 tại Kiên Giang.

Nơi đăng ký HKTT: ấp X, xã T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam Ngày 03/02/2021 đến Ngày 19/3/2021 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1982; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị Kiều H, sinh năm 1978; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Trương Thị B, sinh năm 1967; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
5. Chị Trịnh Thị Mộng T, sinh năm 1992; trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
6. Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
7. Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
8. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
9. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; nơi đăng ký HKTT: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
10. Chị Trương Thị Y, sinh năm 1975; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
11. Bà Dương Thị Lệ H, sinh năm 1968; trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
12. Chị Trần Thị T, sinh năm 1972; trú tại: ấp T, xã T, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.
13. Chị Võ Thị Bé H, sinh năm 1978; trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
14. Anh Lê Duy P, sinh năm 1983; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
15. Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1992; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
16. Chị Dương Thị Ngọc Á, sinh năm 1977; trú tại: Khu phố 4, Phường 2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.
17. Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1983; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
18. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
19. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
20. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.
21. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963; trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*Chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Mỹ L: có mặt.*

*Chị Trương Thị Y: có đơn vắng mặt.*

*Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 30 phút Ngày 02/02/2021, Đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh kiểm tra bắt quả tang bị cáo Huỳnh Út T đang thu tiền cho vay lãi suất nặng của nhiều người tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tiến hành kiểm tra thu giữ một số vật chứng liên quan đến việc cho vay lãi nặng.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng tháng 7/2020, bị cáo Huỳnh Út T bỏ ra số tiền khoảng 100.000.000 đồng để cho nhiều người trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Khi có người cần vay tiền, bị cáo T gặp trực tiếp người vay để thỏa thuận về việc cho vay, hình thức cho vay trả góp thu gốc lẫn lãi suất hàng ngày (tiền góp) hoặc cho vay trả nguyên gốc thu lãi suất hàng ngày (tiền đứng). Người vay tiền cung cấp họ tên, địa chỉ, để T ghi vào sổ theo dõi thu tiền hàng Ngày.

Theo thỏa thuận, hình thức vay trả góp hàng ngày với các khoản tiền từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, thời hạn vay từ 30 đến 60 Ngày/01 lần vay, do người vay lựa chọn, không tính phí vay. Diễn hình như, khoản vay góp có lãi suất thấp nhất là vay 5.000.000 đồng, không tính phí vay, trả góp 100.000 đồng/Ngày, thời hạn trả 60 Ngày, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 6.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 10%/tháng, tương ứng với lãi suất 120%/năm (gấp 06 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khoản vay góp có lãi suất cao nhất là vay 5.000.000 đồng, không tính phí, trả góp 200.000 đồng/ngày, thời hạn trả 30 Ngày, tổng số tiền phải trả khi đến hạn là 6.000.000 đồng, tương ứng với lãi suất 20%/tháng, tương ứng 240%/năm (gấp 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Hình thức vay tiền đứng với các khoản tiền từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/01 lần vay/01 người, không tính phí vay. Diễn hình như, khoản vay tiền đứng có lãi thấp nhất là vay 10.000.000 đồng, trả tiền lãi 100.000/ngày, tương ứng với lãi suất 30%/tháng, tương ứng với lãi suất 360%/năm (gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Khoản vay tiền đứng có lãi cao nhất là vay 5.000.000 đồng, trả tiền lãi 100.000/ngày, tương ứng với lãi suất 60%/tháng, tương ứng với lãi suất 720%/năm (gấp 36 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự).

Từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021, trên địa bàn xã Thanh Điền và xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T hoạt động cho vay tiền lãi suất cao rồi lấy tiền lãi và gốc tiếp tục cho nhiều người khác vay với tổng số 21 người/118 lượt vay, tổng số tiền cho vay 883.500.000 đồng, tiền lãi suất tối đa được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 19.273.972 đồng nhưng bị cáo

T đã cho vay và lấy lãi suất vượt mức cho phép của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 180.702.386 đồng, cụ thể gồm:

- Nguyễn Thị Thu T vay 06 lần, cụ thể: Lần 01 vay tiền đúng 15.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 150.000 đồng, trả lãi được 85 ngày với số tiền là 12.750.000 đồng (chưa trả tiền gốc); Lần 02 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 03 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 04 vay tiền góp 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 05 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 06 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, chưa trả tiền gốc lãi.

- Nguyễn Thị Mỹ H vay 04 lần, cụ thể: Lần 01 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 02 vay tiền góp 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 13 ngày 2.600.000 đồng; Lần 03 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi Ngày 100.000 đồng, trả lãi được 23 ngày số tiền 2.300.000 đồng; Lần 04 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 17 ngày số tiền 1.700.000 đồng (chưa trả tiền gốc).

- Nguyễn Thị Kiều H vay 05 lần, cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả xong 12.000.000 đồng; Lần 02 vay như lần 01 và đã trả xong; Lần 03 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả 38 ngày số tiền 7.600.000 đồng; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 100.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả xong 6.000.000 đồng; Lần 05 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 100.000 đồng, thời hạn trả 60 Ngày, đã trả 06 ngày số tiền 600.000 đồng.

- Trương Thị B vay 17 lần, cụ thể: Lần 01, 02, 03, 04 vay 15.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả xong 18.000.000 đồng; Lần 05 vay 15.000.000 đồng, mỗi Ngày trả 300.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả 15 ngày số tiền 4.500.000 đồng; Lần 06; lần 07 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong; Lần 08 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 04 ngày số tiền 1.200.000 đồng; Lần 09; lần 10 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong; Lần 11 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 10 số tiền 3.000.000 đồng; Lần 12 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, trả lãi được 54 ngày số tiền 2.700.000 đồng; Lần 13 vay tiền đúng 3.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 30.000 đồng, trả lãi được 42 ngày số tiền 1.260.000 đồng; Lần 14 vay tiền đúng 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 32 ngày số tiền 3.200.000 đồng; Lần 15 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, trả lãi được 33 Ngày số tiền 1.650.000 đồng; Lần 16 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, trả lãi được 26 ngày số tiền 1.300.000 đồng; Lần 17 vay tiền đúng

10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 15 ngày số tiền 1.500.000 đồng.

- Trịnh Thị Mộng T vay 01 lần tiền đứng, với số tiền 6.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 60.000 đồng, trả lãi được 34 ngày số tiền 2.040.000 đồng.

- Lê Thị H vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay 3.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, thời hạn trả 34 ngày, đã trả 13 Ngày với số tiền 1.300.000 đồng, Lần 02 vay 2.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 20.000 đồng, thời hạn trả 120 ngày, đã trả 13 ngày số tiền 260.000 đồng.

- Trần Thị T vay 01 lần tiền đứng, với số tiền 3.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 60.000 đồng, trả lãi được 20 ngày số tiền 1.200.000 đồng.

- Nguyễn Thị S vay 07 lần, cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 50 ngày số tiền 5.000.000 đồng; Lần 02, 03 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày và đã trả xong; Lần 04 vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả 25 ngày số tiền 5.000.000 đồng; Lần 05, 06 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày và đã trả xong; Lần 07 vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả 40 ngày số tiền 8.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị B vay 16 lần, cụ thể: Lần 01, 02, 03, 04, 05 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày và đã trả xong; Lần 06 vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 19 ngày số tiền 5.700.000 đồng; Lần 07, 08, 09, 10, 11 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày và đã trả xong; Lần 12 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 20 ngày số tiền 4.000.000 đồng; Lần 13 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 22 ngày số tiền 4.400.000 đồng; Lần 14 vay tiền đứng 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 117 ngày số tiền 11.700.000 đồng; Lần 15 vay tiền đứng 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 82 ngày số tiền 8.200.000 đồng; Lần 16 vay tiền đứng 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 43 ngày số tiền 4.300.000 đồng.

- Trương Thị Y vay 31 lần, cụ thể: Lần 01, 02, 03, 04, 05, 06 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày và đã trả xong; Lần 07 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 07 ngày số tiền 1.050.000 đồng; Lần 08, 09, 10, 11, 12 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày và đã trả xong; Lần 13 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 60 ngày, đã trả 18 ngày số tiền 3.600.000 đồng; Lần 14 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong; Lần 15 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả xong; Lần 16 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 150.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 13 ngày số tiền 1.950.000 đồng; Lần 17 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong; Lần 18 vay 5.000.000 đồng, trả

góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 01 ngày số tiền 200.000 đồng; Lần 19 vay 2.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 80.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong; Lần 20 vay 2.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 80.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 01 ngày số tiền 80.000 đồng; Lần 21, 22 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 Ngày, đã trả xong; Lần 23 vay 10.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 300.000 đồng, thời hạn trả 40 ngày, đã trả 15 ngày số tiền 4.500.000 đồng; Lần 24 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 24 ngày số tiền 4.800.000 đồng; Lần 25 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả xong; Lần 26 vay 5.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, thời hạn trả 30 ngày, đã trả 05 ngày số tiền 1.000.000 đồng; Lần 27 vay tiền đứng 15.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 150.000 đồng, trả lãi được 89 ngày số tiền 13.350.000 đồng; Lần 28 vay tiền đứng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, chưa trả lãi và gốc; Lần 29 vay tiền đứng 2.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 40.000 đồng, trả lãi được 25 ngày số tiền 1.000.000 đồng; Lần 30 vay tiền đứng 3.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 30.000 đồng, trả lãi được 05 ngày số tiền 150.000 đồng; Lần 31 vay tiền đứng 4.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 40.000 đồng, trả lãi được 05 ngày số tiền 200.000 đồng;

- Dương Thị Lệ H vay 03 lần, cụ thể: Lần 01, 02 vay 9.000.000, mỗi ngày góp 300.000 đồng, trả trong 33 ngày, đã trả xong; Lần 03 vay 9.000.000, mỗi ngày góp 300.000 đồng, trả trong 33 ngày, đã trả 02 ngày số tiền 600.000 đồng.

- Trần Thị T vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay 5.000.000, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, trả trong 30 ngày, đã trả xong; Lần 02 vay 5.000.000, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 30 ngày, đã trả 02 ngày số tiền 400.000 đồng.

- Võ Thị B H vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay 10.000.000, trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả xong; Lần 02 vay 10.000.000, mỗi ngày góp 200.000 đồng, trả trong 60 Ngày, đã trả 02 Ngày số tiền 400.000 đồng.

- Lê Duy P vay 01 lần tiền góp, với số tiền 10.000.000, trả góp mỗi ngày 400.000 đồng, trả trong 30 ngày, đã trả 20 ngày số tiền 8.000.000 đồng.

- Trần Văn Đ vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, trả lãi được 05 ngày số tiền 250.000 đồng và trả gốc 5.000.000 đồng; Lần 02 vay tiền đứng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 50.000 đồng, chưa trả lãi và gốc.

- Dương Thị Ngọc Á vay 02 lần, cụ thể: Lần 01 vay tiền đứng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 25 ngày số tiền 2.500.000 đồng; Lần 02 vay 5.000.000, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 40 ngày, đã trả 23 ngày số tiền 3.450.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mỹ L vay 06 lần, cụ thể: Lần 01, 02, 03, 04, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng, trả trong 40 Ngày, đã trả xong; Lần 05 vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 300.000 đồng, trả trong 40 Ngày, đã trả 10 ngày số tiền 3.000.000 đồng; Lần 06 vay tiền đứng 10.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 100.000 đồng, trả lãi được 50 ngày số tiền 5.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị H vay 06 lần, cụ thể: Các lần 01, 02 mỗi lần vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, trả trong 60 Ngày, đã trả xong; Lần 03 vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả 13 Ngày số tiền 1.300.000 đồng; Lần 04 vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả 17 ngày số tiền 1.700.000 đồng; Lần 05 vay 2.500.000 đồng, mỗi ngày góp 50.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả 52 ngày số tiền 2.600.000 đồng; Lần 06 vay tiền đúng 5.000.000 đồng, trả lãi mỗi ngày 17.000 đồng, trả lãi được 226 ngày số tiền 3.842.000 đồng.

- Nguyễn Thị L vay 02 lần cụ thể: Lần 01 vay 6.500.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả xong; Lần 02 vay 6.500.000 đồng, mỗi ngày góp 150.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả 34 ngày số tiền 5.100.000 đồng.

- Nguyễn Thị N vay 01 lần tiền góp, với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày góp 100.000 đồng, trả trong 60 ngày, đã trả 10 ngày số tiền 1.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị M vay 01 lần tiền góp, với số tiền 6.000.000 đồng, mỗi ngày góp 250.000 đồng, trả trong 25 ngày, đã trả 10 ngày số tiền 2.500.000 đồng.

\* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu hồng, số Imei 865460030239271;

- 02 (hai) cây viết bi;

- 01 (một) quyển sổ bìa xanh có đánh số thứ tự từ 01 đến 56;

- 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 26;

- 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 37;

- Tiền Việt Nam: 32.050.000 đồng;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150i màu đen, số máy: KF25E0055761; số khung: 2501KY102794 (đã qua sử dụng);

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 026128 mang tên Huỳnh Văn V;

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 340039974 mang tên Huỳnh Văn T;

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 2218 mang tên Trần Văn K.

\* Về kê biên tài sản: Do bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Đối với người tên chị P, chị G, M.anh, Seal, chị Bích L, chị bán mực, anh N, chị Y, chị N, chị V, chị Cẩm H, chị H, chị B, chị T, chị X, anh T là những người vay tiền của bị cáo Huỳnh Út T không xác định được họ tên cụ thể, nơi ở, chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với chị Trương Thị Y, sinh năm 1975, ngụ Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có nhận tiền của những người vay tiền rồi đưa lại cho bị cáo Huỳnh Út

T với số tiền 7.000.000 đồng, nhưng chị Y không có thỏa thuận và thu lợi gì nên không xem xét xử lý.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKSCT Ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Huỳnh Út T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Út T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Út T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Y có đơn vắng mặt; chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Mỹ H, chị Nguyễn Thị Kiều H, bà Trương Thị B, chị Trịnh Thị Mộng T, bà Lê Thị H, chị Trần Thị T, bà Nguyễn Thị S, bà Dương Thị Lệ H, chị Trần Thị T, chị Võ Thị Bé H, anh Lê Duy P, anh Trần Văn Đ, chị Dương Thị Ngọc Á, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng lời khai và yêu cầu đã có đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Mỹ L và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.



[3] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Út T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 02/2021, trên địa bàn xã Thanh Điền và xã An Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T đã cho 21 người/118 lượt vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Đối với khoản vay trả góp thì lãi suất từ 120% đến 240%/năm (gấp từ 06 lần đến 12 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Đối với khoản vay tiền đứng thì lãi suất từ 360% đến 720%/năm (gấp từ 18 lần đến 36 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự). Tổng số tiền bị cáo cho vay lãi nặng là 883.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 180.702.386 đồng.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với bản cáo trạng, lời luận tội của kiểm sát viên và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Huỳnh Út T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Khi quyết định hình phạt, có xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.
- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.
- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có cha là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là phạt tù, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về biện pháp tư pháp:

[9.1] Đối với khoản tiền bị cáo dùng để cho vay tiền gốc, bao gồm: số tiền vay gốc bị cáo đã thu hồi và số tiền vay gốc mà người vay còn nợ. Và số tiền lãi bị cáo đã thu của những người vay với mức lãi suất 20%/năm, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Số tiền 570.850.847 đồng là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay và 19.273.972 đồng là số tiền lãi bị cáo đã thu của người vay với mức lãi suất 20%/năm.

- Số tiền 312.649.153 đồng là số tiền vay gốc mà người vay còn nợ, trong đó: Chị Nguyễn Thị Thu T 20.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ H 12.833.333 đồng; chị Nguyễn Thị Kiều H 8.166.667 đồng; bà Trương Thị B 65.750.000 đồng; chị Trịnh Thị Mộng T 6.000.000 đồng; bà Lê Thị H 3.636.275 đồng; chị Trần Thị T 3.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị S 14.166.667 đồng; bà Nguyễn Thị B 38.250.000 đồng; chị Trương Thị Y 61.683.333 đồng; bà Dương Thị Lệ H 8.454.545 đồng; chị Trần Thị T 4.666.667 đồng; chị Võ Thị Bé H 9.666.667 đồng; anh Lê Duy P 3.333.333 đồng; anh Trần Văn Đ 5.000.000 đồng; chị Dương Thị Ngọc Á 7.125.000 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L 17.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị H 12.833.333 đồng; bà Nguyễn Thị L 2.816.667 đồng; bà Nguyễn Thị N 4.166.667 đồng; bà Nguyễn Thị M 3.600.000 đồng.

[9.2] Đối với khoản tiền lãi vượt quá lãi suất 20%/năm, tổng cộng 180.702.386 đồng, là tiền thu lợi bất chính từ người vay, nên buộc bị cáo trả lại cho người vay, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Thu T 16.558.219 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ H 5.205.936 đồng; chị Nguyễn Thị Kiều H 5.320.091 đồng; bà Trương Thị B 29.519.726 đồng; chị Trịnh Thị Mộng T 1.928.219 đồng; bà Lê Thị H 160.658 đồng; chị Trần Thị T 1.167.123 đồng; bà Nguyễn Thị S 13.358.447 đồng; bà Nguyễn Thị B 38.497.945 đồng; chị Trương Thị Y 38.600.594 đồng; bà Dương Thị Lệ H 1.519.203 đồng; chị Trần Thị T 978.995 đồng; chị Võ Thị B H 1.726.941 đồng; anh Lê Duy P 1.223.744 đồng; anh Trần Văn Đ 236.301 đồng; chị Dương Thị Ngọc Á 2.943.493 đồng; chị Nguyễn Thị Mỹ L 12.294.521 đồng; bà Nguyễn Thị H 5.673.963 đồng; bà Nguyễn Thị L 3.581.872 đồng; bà Nguyễn Thị N 139.269 đồng; bà Nguyễn Thị M 67.123 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu hồng, số Imei 865460030239271 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 02 (hai) cây viết bi là vật liên quan đến tội phạm nhưng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- 02 (hai) quyển tập gồm: 01 (một) quyển sổ bìa xanh có đánh số thứ tự từ 01 đến 56 và 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 37, là chứng cứ nên lưu vào hồ sơ vụ án. Hiện chứng cứ trên đang lưu tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Do đó, khi án

có hiệu lực pháp luật Chi cục Thi hành án có trách nhiệm bàn giao để Tòa án lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 26, là sổ ghi chép việc mua bán trái cây của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

- Tiền Việt Nam: 32.050.000 đồng: Có 3.350.000 đồng là tiền bị cáo thu được từ người vay nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; số tiền 28.700.000 đồng còn lại do không có căn cứ xác định là tiền thu lợi bất chính nên trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150i màu đen, số máy: KF25E0055761; số khung: 2501KY102794 (đã qua sử dụng) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 026128 mang tên Huỳnh Văn V, là xe của anh Huỳnh Văn V cho bị cáo T mượn sử dụng. Anh Vũ không biết bị cáo T sử dụng vào việc thực hiện tội phạm nên trả lại cho chủ sở hữu. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Vũ nên ghi nhận.

- 01 (một) sổ hộ khẩu số 340039974 mang tên Huỳnh Văn T và 01 (một) sổ hộ khẩu số 2218 mang tên Trần Văn K, không phải là vật liên quan đến tội phạm. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Huỳnh Văn T và chị Trần Thị T là con ruột của ông Trần Văn K nên ghi nhận.

[11] Đối với người tên chị P, chị G, M. anh, Seal, chị Bích L, chị bán mực, anh N, chị Y, chị N, chị V, chị Cẩm H, chị H, chị B, chị T, chị X, anh T là những người vay tiền của bị cáo Huỳnh Út T không xác định được họ tên cụ thể, nơi ở, chưa làm việc được nên tách ra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[12] Đối với chị Trương Thị Y, sinh năm 1975, ngụ Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có nhận tiền của những người vay tiền rồi đưa lại cho bị cáo Huỳnh Út T với số tiền 7.000.000 đồng, nhưng chị Y không có thỏa thuận và thu lợi gì nên không xem xét xử lý là có căn cứ.

[13] Về án phí:

[13.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 180.702.386 đồng phải trả cho những người vay. Những người vay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[13.2] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Út T (U) phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Út T (U) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Huỳnh Út T cho Ủy ban nhân dân xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

## 2. Về biện pháp tư pháp:

### 2.1 Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 570.850.847 (năm trăm bảy mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm bốn mươi bảy) đồng là số tiền vay gốc mà bị cáo đã thu hồi được từ người vay.

- Buộc bị cáo giao nộp số tiền 19.273.972 (mười chín triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng là số tiền lãi bị cáo đã thu của người vay với mức lãi suất 20%/năm.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp số tiền 312.649.153 (ba trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn một trăm năm mươi ba) đồng là số tiền vay gốc còn nợ lại, trong đó:

+ Chị Nguyễn Thị Thu T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H 12.833.333 (mười hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Kiều H 8.166.667 (tám triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Bà Trương Thị B 65.750.000 (sáu mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng;

+ Chị Trịnh Thị Mộng T 6.000.000 (sáu triệu) đồng;

+ Bà Lê Thị H 3.636.275 (ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi lăm) đồng;

+ Chị Trần Thị T 3.000.000 (ba triệu) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị S 14.166.667 (mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị B 38.250.000 (ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng;

+ Chị Trương Thị Y 61.683.333 (sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng;

+ Bà Dương Thị Lệ H 8.454.545 (tám triệu bốn trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng;

+ Chị Trần Thị T 4.666.667 (bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Chị Võ Thị Bé H 9.666.667 (chín triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Anh Lê Duy P 3.333.333 (ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng;

+ Anh Trần Văn Đ 5.000.000 (năm triệu) đồng;

+ Chị Dương Thị Ngọc Á 7.125.000 (bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L 17.500.000 (mười bảy triệu năm trăm nghìn) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị H 12.833.333 (mười hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị L 2.816.667 (hai triệu tám trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị N 4.166.667 (bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị M 3.600.000 (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

2.2 Buộc bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 180.702.386 (một trăm tám mươi triệu bảy trăm lẻ hai nghìn ba trăm tám mươi sáu) đồng là tổng số tiền lãi bị cáo đã thu lợi vượt quá 20%/năm, trong đó:

+ Chị Nguyễn Thị Thu T 16.558.219 (mười sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H 5.205.936 (năm triệu hai trăm lẻ năm nghìn chín trăm ba mươi sáu) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Kiều H 5.320.091 (năm triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm chín mươi một) đồng;

+ Bà Trương Thị B 29.519.726 (hai mươi chín triệu năm trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu) đồng;

+ Chị Trịnh Thị Mộng T 1.928.219 (một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn hai trăm mười chín) đồng;

+ Bà Lê Thị H 160.658 (một trăm sáu mươi nghìn sáu trăm năm mươi tám) đồng;

+ Chị Trần Thị T 1.167.123 (một triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị S 13.358.447 (mười ba triệu ba trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị B 38.497.945 (ba mươi tám triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng;

+ Chị Trương Thị Y 38.600.594 (ba mươi tám triệu sáu trăm nghìn năm trăm chín mươi bốn) đồng;

+ Bà Dương Thị Lệ H 1.519.203 (một triệu năm trăm mười chín nghìn hai trăm lẻ ba) đồng;

+ Chị Trần Thị T 978.995 (chín trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng;

+ Chị Võ Thị Bé H 1.726.941 (một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi một) đồng;

+ Anh Lê Duy P 1.223.744 (một triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng;

+ Anh Trần Văn Đ 236.301 (hai trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm lẻ một) đồng;

+ Chị Dương Thị Ngọc Á 2.943.493 (hai triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng;

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ L 12.294.521 (mười hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi một) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị H 5.673.963 (năm triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi ba) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị L 3.581.872 (ba triệu năm trăm tám mươi một nghìn tám trăm bảy mươi hai) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị N 139.269 (một trăm ba mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi chín) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị M 67.123 (sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba) đồng.

### 3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Tiền Việt Nam 3.350.000 (ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, loại F3, màu hồng, số Imei 865460030239271.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) cây viết bi.

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 26. Tiền Việt Nam 28.700.000 (hai mươi tám triệu bảy trăm nghìn) đồng.

- Lưu vào hồ sơ vụ án: 02 (hai) quyển tập gồm: 01 (một) quyển sổ bìa xanh có đánh số thứ tự từ 01 đến 56 và 01 (một) quyển tập học sinh 96 trang, có đánh số từ 01 đến 37.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho: Anh Huỳnh Văn V 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH 150i màu đen, số máy: KF25E0055761; số khung: 2501KY102794 (đã qua sử dụng) và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 026128 mang tên Huỳnh Văn V; ông Huỳnh Văn T 01 (một) sổ hộ khẩu số 340039974 mang tên Huỳnh Văn T và chị Trần Thị T 01 (một) sổ hộ khẩu số 2218 mang tên Trần Văn K.

*(Các vật chứng và chứng cứ trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đang quản lý).*

#### 4. Về án phí:

##### 4.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.  
- Bị cáo phải chịu 9.035.000 (chín triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

4.2 Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo, chị Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Mỹ L biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày, kể từ Ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày, kể từ Ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Phòng PV 06;
- Công an huyện Châu Thành;
- Thi hành án HS.
- Các bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**

